

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Luật**, Chuyên ngành: **Luật Tư pháp** (Judicial Law)

Mã ngành: 52380101                      Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm              Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Luật Thương mại - Khoa Luật

### 1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật tư pháp trình độ đại học đào tạo cử nhân Luật, chuyên ngành Tư pháp, có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tác phong công nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và làm việc độc lập, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trang bị cho người học nắm vững kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành; có khả năng giao tiếp bằng Anh ngữ hoặc Pháp ngữ thông thường và chuyên ngành khá tốt; được trang bị các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Luật Tư pháp, nhất là kiến thức về luật hình sự và tố tụng hình sự, luật dân sự và tố tụng dân sự.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Luật tư pháp có thể đáp ứng và thích nghi nhanh với yêu cầu của công việc pháp lý tại các cơ quan tư pháp, các cơ quan hỗ trợ tư pháp, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác.

### 2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

#### 2.1 Kiến thức

##### 2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

##### 2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

- Có kiến thức đủ rộng về nhà nước, về pháp luật gồm: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới, Luật Hiến pháp, Luật học so sánh... từ đó làm nền tảng để nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành luật.
- Có kiến thức căn bản, được cập nhật về các ngành luật chủ yếu bao gồm: Luật hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Tài chính, Luật Ngân hàng, Luật Đất đai, Luật Môi trường, Luật sở hữu trí tuệ, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Luật thương mại quốc tế... để vận dụng trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến pháp luật, đủ trình độ để tham dự tham dự các lớp đào tạo về các chức danh tư pháp...

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang một số ngành đào tạo khác của trường và các trường thuộc khối ngành Luật – Hành chính – Chính trị.
- Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học luật để có thể vận dụng khả năng tự nghiên cứu, triển khai các vấn đề đã học trên thực tiễn, suy luận dựa trên cơ sở pháp lí và thực tiễn, thiết lập các lập luận một cách chặt chẽ và lo-gic.

### 2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức nâng cao trong lĩnh vực hình sự và tố tụng hình sự để xác định được thể nào là tội phạm, hình phạt, định tội, định khung... và các bước trong thủ tục tố tụng hình sự; phục vụ cho các vị trí nghề nghiệp như công an, thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên...
- Có kiến thức nâng cao trong lĩnh vực dân sự và tố tụng dân sự về chủ thể quan hệ dân sự, tài sản và quyền sở hữu, quyền thừa kế, các giao dịch, nội dung quyền và nghĩa vụ các bên trong các giao dịch, các nghĩa vụ phát sinh trong hợp đồng và ngoài hợp đồng, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, các loại hợp đồng thông dụng, về hôn nhân và gia đình, các giai đoạn trong tố tụng dân sự và thi hành án dân sự để có thể công tác ở các vị trí nghề nghiệp như luật sư, thẩm phán, thi hành án dân sự, công chứng viên, nhân viên tư pháp địa phương....
- Có kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế, hình sự quốc tế và sở hữu trí tuệ, biết cách áp dụng pháp luật phù hợp khi giải quyết công việc pháp lý có liên quan yếu tố nước ngoài.

## 2.2 Kỹ năng

### 2.2.1 Kỹ năng cứng

- Tư vấn các vấn đề liên quan đến pháp luật Việt Nam.
- Soạn thảo các loại đơn khiếu nại, khiếu kiện; soạn thảo các loại văn bản nhà nước.
- Viết biên bản phiên tòa, bản án các loại; viết Kết luận điều tra, Cáo trạng.
- Kiểm soát thể thức, nội dung pháp lý các hợp đồng dân sự.
- Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và quản lý hồ sơ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.
- Kiểm soát tính hợp pháp các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

### 2.2.2 Kỹ năng mềm

Ngoại ngữ: Giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Tin học: Sử dụng các phần mềm văn phòng cơ bản như Word, Excel, Power-point, khai thác và sử dụng Internet.

Làm việc theo nhóm

- Hiểu/giải thích các giai đoạn của việc thành lập nhóm và vòng đời của nhóm; tóm tắt nhiệm vụ và các quy trình hoạt động nhóm; xác định các vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm; giải thích các mục tiêu, nhu cầu, và đặc tính của từng cá nhân thành viên trong nhóm; làm rõ các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm.
- Khái quát các mục tiêu và công việc cần làm, đưa ra kế hoạch và tạo điều kiện cho các cuộc họp nhóm có hiệu quả; xác định các nguyên tắc của nhóm, lập kế hoạch, lên chương trình và thực hiện một đề án, đưa ra các giải pháp cho các vấn đề.

## Giao tiếp

- Xác định các tình huống giao tiếp, giải thích một chiến lược giao tiếp.
- Có khả năng sử dụng ngôn từ chính xác và tư duy lo-gic.
- Áp dụng thực hành chuẩn bị bài thuyết trình bằng điện tử, sử dụng các hình thức giao tiếp điện tử khác nhau (thư điện tử, trang web, hội thảo online).
- Thực hành chuẩn bị thuyết trình và phương tiện hỗ trợ với ngôn ngữ, phong cách, thời gian, và cấu trúc phù hợp; sử dụng các phương tiện giao tiếp không bằng văn bản hay lời nói (cử chỉ, ánh mắt, tư thế); lựa chọn trả lời các câu hỏi một cách hiệu quả.

### 2.3 Thái độ

- Thể hiện ý thức trách nhiệm công dân trong lời nói và việc làm.
- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác.
- Thể hiện đúng đạo đức nghề luật, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình
- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ cho bản thân.
- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

### 3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Tư pháp của Trường Đại học Cần Thơ có thể đáp ứng và thích nghi nhiều vị trí công việc liên quan đến pháp luật tại các cơ quan tư pháp, các cơ quan hỗ trợ tư pháp, các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp (bộ phận pháp lý và tổ chức nhân sự), các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý và các cơ sở đào tạo về luật.

### 4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về luật, đặc biệt là hai lĩnh vực hình sự và dân sự, biết vận dụng kiến thức pháp lý trong công việc.
- Có thể học tiếp ở trình độ sau đại học (cao học Luật, nghiên cứu sinh Luật) tại các viện, trường đại học trong và ngoài nước.

### 5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Bộ 15 tiêu chuẩn của AUN- tháng 6/2011;
- Chương trình đào tạo Cử nhân luật Tư pháp của Khóa 35 trở về trước và Khóa 36 trở về sau của Trường Đại học Cần Thơ;
- Chương trình đào tạo Cử nhân luật trình độ Đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Luật Hà Nội.

## 6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>										
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bộ trí theo nhóm ngành		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bộ trí theo nhóm ngành		
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bộ trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60			I, II, III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023	I, II, III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III	
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III	
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III	
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III	
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III	
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	I, II, III		
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	I, II, III		
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III	
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III	
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III	
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III	
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III	
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III	
24	KL051	Quyền con người	2	2		30			I, II	
25	ML007	Logic học đại cương	2		6	30			I, II, III	
26	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III	
27	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III	
28	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III	
29	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II, III	
30	SP009	Tâm lý học đại cương	2			30			I, II, III	
31	TN011	Thống kê xã hội học	2			30			I, II, III	
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III	
<b>Cộng: 42 TC (Bắt buộc 23TC; Tự chọn: 19 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>										
33	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	2	2		30			I, II	
34	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	2	2		30		KL101	I, II	
35	KL301	Luật Hiến pháp 1	2	2		30			I, II	
36	KL302	Luật Hiến pháp 2	2	2		30		KL301	I, II	
37	KL113	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	2		30			I, II	
38	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102	I, II	
39	KL115	Phương pháp nghiên cứu KH-Luật	2	2		30		KL102	I, II	
40	KL127	Luật hành chính	3	3		45		KL102	I, II	
41	KL130	Luật dân sự: lý luận chung về luật dân sự	2	2		30		KL101	I, II	
42	KL131	Pháp luật thương mại 1	2	2		30		KL130	I, II	
43	KL132	Pháp luật thương mại 2	2	2		30		KL131	I,II	
44	KL123	Luật lao động	3	3		45		KL102	I, II	
45	KL124	Luật tài chính nhà nước	3	3		45		KL127, KL302, KL131	I, II	
46	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL127, KL404	I, II	
47	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		45		KL302	I, II	
48	KL328	Luật môi trường	2	2		30		KL127	I, II	
<b>Cộng: 37 TC (Bắt buộc 37 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>										
<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>										
49	KL222	Luật hình sự: Những vấn đề lý luận về tội phạm	2	2		30			I, II	
50	KL223	Luật hình sự: Những vấn đề lý luận về hình phạt	2	2		30		KL222	I, II	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
51	KL203	Luật hình sự: Định tội và định khung hình phạt	3	3		45		KL223	I, II
52	KL224	Luật dân sự: Tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	3	3		45		KL130	I, II
53	KL204	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự	3	3		45		KL224	I, II
54	KL225	Những vấn đề lý luận chung về luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL203	I, II
55	KL205	Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự	3	3		45		KL225	I, II
56	KL226	Những vấn đề lý luận chung về luật tố tụng dân sự	2	2		30		KL132, KL204	I, II
57	KL206	Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự	3	3		45		KL226	I, II
58	KL207	Pháp luật về quan hệ hôn nhân và gia đình	3	3		45		KL224	I, II
59	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL204	I, II
60	KL344	Bảo đảm nghĩa vụ	2	2		30		KL204	I, II
61	KL404	Luật hợp đồng thông dụng	2	2		30		KL204	I, II
62	KL401	Tội phạm học	2	2		30		KL223	I, II
63	KL376	Tư pháp quốc tế	3	3		45		KL226, KL207	I, II
64	KL333	Luật thương mại quốc tế	2	2		30		KL376	I,II
65	KL208	Luật hình sự quốc tế	2	2		30		KL203	I,II
66	KL108	Luật dân sự La Mã	2		10	30		KL130	I
67	KL410	Luật về bất động sản	2			30		KL204	I
68	KL209	Luật sở hữu trí tuệ chuyên sâu	2			30		KL335	I
69	KL353	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện hành chính	2			30		KL127	II
70	KL400	Khoa học điều tra hình sự	2			30		KL223	II
71	KL403	Giám định pháp y	2			30		KL223	II
72	KL116	Thuật ngữ pháp lý – Tiếng Anh	2			30		XH025	I,II
73	KL117	Thuật ngữ pháp lý – Tiếng Pháp	2			30		XH006	I,II
74	KL406	Thực hành nghề luật	2				60	≥ 80TC	I, II, III
75	KL114	Soạn thảo văn bản pháp luật	2				30		KL102
76	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10		10		300	≥ 105 TC	I, II
77	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥ 105 TC	I,II
78	KL412	Chuyên đề luật hình sự và tố tụng hình sự	2			30		≥ 105TC	I,II
79	KL413	Chuyên đề luật dân sự và tố tụng dân sự	2			30		≥ 105TC	I,II
80	KL414	Chuyên đề luật thương mại và tố tụng thương mại	2			30		≥ 105TC	I,II
81	KL415	Chuyên đề luật hành chính và tố tụng hành chính	2			30		≥ 105TC	I,II
82	KL416	Chuyên đề luật sở hữu trí tuệ và chuyên giao công nghệ	2			30		≥ 105TC	I,II
83	KL397	Nghiệp vụ tòa án	2			30		KL226, KL225	I
84	KL417	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2			30		KL204	I
85	KL429	Luật trách nhiệm dân sự	2			30		KL204	II
<b>Cộng: 61 TC (Bắt buộc: 41TC; Tự chọn: 20 TC)</b>									
<b>Tổng cộng: 140TC (Bắt buộc: 109TC; Tự chọn: 41TC)</b>									

(\*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU**  
**HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH và ĐT**  
**CHỦ TỊCH**

Ngày tháng năm 2017  
**KHOA LUẬT**  
**TRƯỞNG KHOA**

**Hà Thanh Toàn**

**Lê Việt Dũng**

**Lê Thị Nguyệt Châu**